

Bản án số: 102/2020/HS-ST

Ngày: 14-12-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BT, TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đoan Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thu Hồng

Ông Trịnh Ngọc Hồng

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Yên-Thư ký tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố BT, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Lại Đức Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố BT, tỉnh Bến Tre, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 109/2020/HSST ngày 18 tháng 11 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2020/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo:

TRẦN DUY K (KC), sinh năm 1993;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 175A1, ấp MAA, xã MTA, thành phố BT, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn T, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị Ánh H, sinh năm 1968; Bản thân bị cáo chưa có vợ, con;

Tiền án: 02 tiền án.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 69/2017/HSST ngày 22/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố BT đã tuyên phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 BLHS năm 1999;

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 64/2019/HSST ngày 18/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố BT đã tuyên phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 137 BLHS;

Tiền sự: không;

Bị bắt bị bắt tạm giam từ ngày 24/10/2020 cho đến nay. Bị cáo tạm giam có mặt tại phiên tòa;

* *Bị hại:*

Ông Hồ Hoàng H, sinh năm 1959;

Nơi cư trú: Số 272B, ấp H, xã PN, thành phố BT, tỉnh Bến Tre (vắng mặt);

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Châu Văn Đ, sinh năm 1977;

Nơi cư trú: Số 210D, ấp ATA, xã MTA, thành phố BT, tỉnh Bến Tre (vắng mặt);

Ông Nguyễn Hồng N, sinh năm 1982;

Nơi cư trú: Số 353/1D, ấp ATA, xã MTA, thành phố BT, tỉnh Bến Tre (có mặt).

** Người làm chứng:*

Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1981;

Nơi cư trú: Ấp N, xã SP, huyện GT, tỉnh Bến Tre (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 01 giờ 30 phút ngày 22/10/2020, bị cáo Trần Duy K đi bộ từ nhà nghỉ Huỳnh Phúc đến khu vực ấp 2 xã Phú Nhuận, thành phố BT với mục đích tìm tài sản để trộm cắp. Khi đi đến nhà ông Hồ Hoàng H ở số 272, ấp 2, xã Phú Nhuận, thành phố BT, bị cáo nhìn thấy bên hông nhà có dựng 01 chiếc xe đạp Martin nên nảy sinh ý định trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài. Để thực hiện ý định, bị cáo chui qua cổng rào vào trong lấy xe đạp Martin của ông H đem ra để ở cổng rào rồi quay lại tiếp tục tìm tài sản để lấy trộm thì phát hiện ngoài hiên trước cửa nhà trên có 01 máy cắt gạch cầm tay nên lấy đem ra cổng. Sau đó, bị cáo nhấc xe đạp Martin bỏ qua hàng rào phía ngoài rồi bỏ máy cắt vào rổ phía trước xe đạp. Lúc này, thấy trong rổ xe đạp có 01 xâu chìa khóa nên bị cáo lấy quay lại mở cửa nhà sau đột nhập vào trong nhà lấy xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave màu xanh, biển số 71B4-190.82 (trên ổ khóa có gắn chìa khóa) của ông H dẫn xe ra cổng và dùng chìa khóa trong xâu chìa khóa xe mô tô mở khóa cổng rào dắt xe ra ngoài. Sau khi ra được bên ngoài, bị cáo lại chỗ để xe đạp lấy máy cắt để sang ba ga xe mô tô biển số 71B4-190.82 chờ chạy đi, riêng xe đạp bị cáo bỏ lại hàng rào. Bị cáo chạy xe đến gặp Nguyễn Thành T nhờ giới thiệu chỗ cầm xe mô tô biển số 71B4-190.82 và máy cắt. T đưa bị cáo đến gặp ông Châu Văn Đ ở số 210D ấp An Thuận A, xã Mỹ Thạnh An, thành phố BT nhưng ông Đ không nhận cầm xe mà chỉ mua máy cắt giá 200.000 đồng. Ông Đ giới thiệu để Nguyễn Hồng N cầm xe cho bị cáo với giá 2.500.000 đồng. Sau đó hành vi của bị cáo bị phát hiện.

Vật chứng thu giữ: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Wave màu xanh, biển số 71B4-190.82 số khung 09023Y102421, số máy HC09E0102485; 01 xe đạp Martin@ màu đen, có giỏ xe màu trắng.

Theo Bản Kết luận định giá trị tài sản số 917/KL-HĐĐG ngày 24/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản thành phố BT kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave màu xanh, biển số 71B4-190.82 số khung 09023Y102421, số máy

HC09E0102485. Trị giá tài sản ngày 22/10/2020 là 9.000.000 đồng; 01 xe đạp Martin@ màu đen, có giỏ xe màu trắng. Trị giá tài sản ngày 22/10/2020 là 450.000 đồng; 01 máy cắt gạch cầm tay màu xanh, trị giá tài sản ngày 22/10/2020 là 210.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 112/CT-VKSND-TPBT ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố BT, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo Trần Duy K (KC) về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên nội dung cáo trạng. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, với lỗi cố ý đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại có tổng trị giá là 9.660.000đồng; Bị cáo có nhân thân rất xấu, có 02 tiền án về tội tàng trữ trái phép chất ma túy và trộm cắp tài sản. Bị cáo vừa chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 27/8/2020, đến ngày 22/10/2020 lại tiếp tục phạm tội. Lần phạm tội này, bị cáo đã phạm vào tình tiết định khung tăng nặng “tái phạm nguy hiểm” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo nên đề nghị cho bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như theo quy định tại các điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Trần Duy K từ 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Ghi nhận bị hại ông Hồ Hoàng H đã nhận lại xe mô tô biển số 71B4-190.82 và 01 xe đạp Martin@ màu đen, có giỏ xe màu trắng. Đối với máy cắt gạch bị cáo lấy trộm hiện không thu hồi được, tuy nhiên bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường nên ghi nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Nguyễn Hồng N yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 2.500.000 đồng do ông N bỏ ra để cầm xe nhưng xe đã bị thu hồi trả lại cho bị hại. Bị cáo đồng ý bồi thường nên ghi nhận để buộc bị cáo thực hiện.

Bị cáo Trần Duy K khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản cáo trạng đã xác định, đồng thời yêu cầu Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra công an thành phố BT, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố BT, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên, họ đã có lời khai rõ ràng trong hồ sơ vụ án nên sự vắng mặt của họ cũng không trở ngại cho việc xét xử, cũng không ảnh hưởng đến việc xác định sự thật khách quan của vụ án nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng theo quy định tại Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với kết quả thực nghiệm điều tra, tang vật thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, có đủ cơ sở xác định:

[4] Xuất phát từ động cơ tư lợi bất chính, vào khoảng 01 giờ 30 phút ngày 22/10/2020, tại nhà số 272, ấp 2, xã Phú Nhuận, thành phố BT, bị cáo Trần Duy K đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của ông Hồ Hoàng H 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave màu xanh, biển số 71B4-190. 82, 01 máy cắt gạch cầm tay và 01 xe đạp hiệu Martin@ màu đen. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 9.660.000 đồng.

[5] Bị cáo Trần Duy K là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, vì động cơ tư lợi bị cáo đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác có tổng giá trị là 9.660.000 đồng. Với lỗi cố ý trực tiếp bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật Hình sự bảo vệ. Bị cáo vừa chấp hành xong án phạt tù vào ngày 27/8/2020 đến ngày 22/10/2020 lại tiếp tục phạm tội. Do bị cáo đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên lần phạm tội này đã phạm vào tình tiết định khung tăng nặng tái phạm nguy hiểm. Vì vậy, Bản cáo trạng số 112/CT-VKSND-TPBT ngày 17/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố BT, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo Trần Duy K phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng luật định.

[6] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo nhận thức được rằng tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của công dân được Nhà nước bảo hộ, mọi hành vi xâm phạm một cách trái pháp luật đều phải bị xử lý. Bị cáo đã tái phạm lại tiếp tục phạm tội, lần phạm tội này là tái phạm nguy hiểm, điều này cho thấy bị cáo là người khó cải tạo giáo dục. Vì vậy, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian là cần thiết nhằm để cải tạo giáo dục bị cáo cũng như để răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

[7] Xét về nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thấy rằng: bị cáo có nhân thân xấu, có 02 tiền án. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử có xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn nên có chiều cố xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo quy định tại các điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[8] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử thấy hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn nên không cần thiết áp dụng thêm hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận bị hại ông Hồ Hoàng H đã nhận lại xe mô tô biển số 71B4-190.82 và 01 xe đạp Martin@ màu đen, có giỏ xe màu trắng. Đối với tài sản bị chiếm đoạt là máy cắt gạch hiện không thu hồi được, tuy nhiên ông H không yêu cầu bị cáo bồi thường nên ghi nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Nguyễn Hồng N yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 2.500.000 đồng do ông N bỏ ra để cầm xe mô tô biển số 71B4-190.82 nhưng đã bị thu hồi trả lại cho bị hại. Bị cáo đồng ý bồi thường cho ông Nam nên ghi nhận để buộc bị cáo thực hiện.

[10] Đối với ông Châu Văn Đ khi mua máy cắt gạch và ông Nguyễn Hồng N khi nhận cầm xe mô tô biển số 71B4-190.82 cho bị cáo không biết tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên không truy cứu trách nhiệm là có đúng quy định pháp luật.

Đối với hành vi của Nguyễn Thành T: bị cáo khai trước khi nhờ T chỉ chỗ cầm xe, bị cáo có nói cho T biết xe mô tô biển số 71B4-190.82 do bị cáo trộm cắp mà có. Nhưng hiện tại chỉ có duy nhất lời khai của bị cáo, trong khi T không thừa nhận nên không đủ căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với T là phù hợp.

[11] Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm bị cáo Trần Duy K phải nộp theo quy định của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Trần Duy K (KC) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo: Trần Duy K (KC): 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù;

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/10/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Các Điều 357, 584, 585, 586 và Điều 589 Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo Trần Duy K (KC) có trách nhiệm bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hồng N số tiền 2.500.000(Hai triệu năm trăm ngàn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án, số tiền bồi thường nêu trên nếu chưa được thi hành thì hàng tháng còn phải trả lãi với mức lãi suất theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

4. Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; các Điều 23, 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội:

Bị cáo Trần Duy K (KC) phải nộp án phí Hình sự sơ thẩm là 200.000(Hai trăm ngàn) đồng và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 300.000(Ba trăm ngàn)đồng;

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Đối với người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15(mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố BT (1b);
- Công an thành phố BT (1b);
- Chi cục THA dân sự thành phố BT (1b);
- Trung tâm TGPLNN tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND xã MTA(1b);
- NTGTT (4b);
- Bộ phận thi hành án hình sự (2b);
- Lưu (văn phòng; hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Đoàn Trang

